

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Kiều Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Phạm Thị Thuận

2/ Ông Bùi Tấn Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Thanh Tứ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 129/2018/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 3 năm 2018 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/7/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Ngô Thị Tuyết N, sinh năm 1994;

Địa chỉ: khu tái định cư thôn Vĩnh T, xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt)

- Bị đơn: anh Nguyễn T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: vực 2, thôn Thượng H, xã Bình Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, chị Ngô Thị Tuyết Nhung (Nguyên đơn) trình bày:

Chị N và anh Nguyễn T qua thời gian tìm hiểu, yêu thương, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Đ vào ngày 07/3/2016. Thời gian chung sống của vợ chồng đã có với nhau được một con chung tên là Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 04/7/2016, cháu N hiện nay đang ở với chị N.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 08/2017 thì phát sinh mâu thuẫn nhiều lần nhưng vì con chị cố gắng chịu đựng, nhường nhịn anh T để thời gian anh T thay đổi, nhưng anh T không thay đổi mà còn đánh đập chị nhiều lần, anh T không có trách nhiệm với vợ con, chị và gia đình chị cũng đã khuyên anh T nhưng anh không nghe. Đầu tháng 01/2018 chị bồng con về nhà cha mẹ để chơi thì anh T đi uống rượu về đánh chị nên chị quyết định ở với cha mẹ cho đến nay. Nay chị xét thấy không thể sống chung cùng anh T được nên quyết định yêu cầu Tòa giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn T để ổn định cuộc sống cho đôi bên và đảm bảo sức khỏe, công việc cho bản thân chị.

Về con chung: vợ chồng có một con chung là Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 04/7/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Về tài sản chung: vợ chồng tự thỏa thuận chưa yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có cũng không có ai nợ vợ chồng.

Tại bản tự khai ngày 16/3/2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện B, anh Nguyễn T (Bị đơn) trình bày:

Anh T thống nhất về quá trình tìm hiểu, yêu thương, tổ chức lễ cưới và địa điểm kết hôn như chị N đã trình bày. Về mâu thuẫn gia đình thì theo anh do chị N sống chung với cha mẹ chồng, bản thân anh lại hay đi làm xa nhà nên trong quá trình sống chung với mẹ chồng chị N có mâu thuẫn với mẹ chồng về việc chăm con cũng như cách ăn ở của chị N. Anh đã nhiều lần khuyên nhưng chị N không nghe. Khoảng đầu tháng 01/2018 anh có chở chị N về bên ngoại ăn giỗ ông bà, chị N ở bên ngoại được ba bốn ngày thì anh có nói về bên này thì chị N đưa ra nhiều lý do, anh bực mình nhưng vẫn không nói gì mãi đến cuối giờ chiều thì anh đi nhậu cùng với bà con phía chị N trong đó có cha chị N. Khi về anh có gọi chị N vào phòng nói chuyện thì chị N không nghe, anh gọi mãi vài ba lần không được sẵn có hơi men không kiềm chế được nên có đánh chị N hai bạt tai, lúc đó mẹ chị N lên tiếng “ai cho mày đánh con tao” và liên tục văng ra những lời thô tục và nhục mạ anh, bực tức anh có đá văng cái chậu nước tắm cho con và bỏ về. Tuy nhiên đi được một đoạn thì anh quay lại gọi vợ ra mục đích là chở vợ về luôn nhưng chị N sợ không ra, anh ngồi chờ cho đến lúc cha chị N về, vừa về thì cha chị N liên tục chửi bới, lăng mạ anh, tay cầm thanh sắt nói “thằng T mày đánh con tao, hôm nay tao giết mày”, rồi xông vào đánh anh thì được mọi người can ngăn, sau đó anh bỏ về. Trong thời gian đó, anh có gọi điện thoại cho cha mẹ vợ để được gặp vợ và con nhưng không được gặp mà cha mẹ chị N liên tục chửi bới và tát máy. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn vì anh xét thấy hôn nhân không thể đến từ một phía mà phải có sự chia sẻ, vợ chồng đều phải có trách nhiệm với nhau.

Về con chung: thống nhất vợ chồng có một con chung như chị N trình bày, nếu ly hôn anh T yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: thống nhất như chị Nhung trình bày.

Ý kiến của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tổ tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tổ tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: xét thấy, cuộc sống hôn nhân giữa chị Ngô Thị Tuyết N và anh Nguyễn T xảy ra mâu thuẫn trong quá trình sống chung, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018, tại phiên họp và phiên tòa chị Nhung yêu cầu ly hôn, anh Tùng đồng ý nên căn cứ vào Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị N và anh T.

Về quan hệ con chung: giữa chị N và anh T có một con chung là Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 04/7/2016. Tại phiên tòa, anh T đồng ý giao con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng và tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng, chị N cũng thống nhất mức cấp dưỡng của anh T. Xét thấy sự thỏa thuận của anh, chị là phù hợp với quy định của pháp luật đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về tài sản chung: chị N và anh T tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: theo đơn khởi kiện của chị N thì Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 “về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Thị Tuyết N và anh Nguyễn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 07/3/2016 là hôn nhân hợp pháp.

Về mâu thuẫn vợ chồng xuất phát từ cách sống, những xử sự trong cuộc sống vợ chồng, cách cư xử giữa con dâu – gia đình chồng, giữa con rể - gia đình phía vợ, giữa hai bên sui gia với nhau. Đối với anh T, trong lúc có men rượu anh T có những xử sự không đúng cụ thể anh T có đánh chị N, điều này đã dẫn đến mâu thuẫn giữa anh T và gia đình phía chị N rất nặng nề, làm cho tình cảm vợ chồng không hàn gắn được, vợ chồng không sống chung với nhau từ đầu năm 2018 cho đến nay. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng như về tình nghĩa vợ chồng, về nghĩa vụ vợ chồng sống chung với nhau trong thời kỳ hôn nhân làm cho hôn nhân của chị N và anh T lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên họp và phiên tòa, chị N yêu cầu ly hôn, anh T đồng ý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh, chị.

[3] Về con chung: Giữa chị N và anh T có một con chung là Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 04/7/2016 hiện nay sống với chị N, trong quá trình giải quyết vụ án, cả anh T và chị N đều yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cháu N dưới 36 tháng tuổi, chị N có công việc ổn định ở địa phương nên điều kiện nuôi con đảm bảo, anh T làm việc xa nhà, thời gian gần gũi con là rất ít, cháu N hiện này ở độ tuổi rất cần sự chăm sóc của người mẹ. Tại phiên tòa, anh T cũng đồng ý giao con cho chị N nuôi và anh tự nguyện cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng, chị N thống nhất mức cấp dưỡng của anh T nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung.

[4] Về tài sản chung: giữa chị N và anh T thống nhất là hai bên tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: không có.

[6] Về án phí:

Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về ly hôn);

Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về cấp dưỡng nuôi con).

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 28, 35, 147, 264 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Ngô Thị Tuyết N anh Nguyễn T.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giữa chị N và anh T có một con chung là Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 04/7/2016;

Giao cháu Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 04/7/2016 cho chị N tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con Nguyễn Huỳnh Kim N, sinh ngày 04/7/2016 mỗi tháng 1.000.000 đồng (chị N đại diện cho cháu N nhận), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung được tính từ ngày 30/7/2018 cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi.

Anh T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Về tài sản chung: hai bên đương sự tự thỏa thuận, chưa yêu cầu Tòa giải quyết.

2.3. Về nợ chung: không có.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về ly hôn): 300.000 đồng chị Ngô Thị Tuyết N có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng chị N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0002269 ngày 14/3/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về cấp dưỡng nuôi con): 300.000 đồng, anh Nguyễn T có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Đông;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đoàn Kiều Trung

